

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và
phương hướng, nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2025**
(Báo cáo phục vụ kỳ họp lần thứ Hai - HĐND xã Ya Hội)

Ủy ban nhân dân xã Ya Hội kính báo cáo Hội đồng nhân dân xã về tình hình thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2025, cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ CÔNG TÁC THU - CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

I. VỀ THU NGÂN SÁCH

Tổng thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2025 đạt 32.254 triệu đồng/13.761 triệu đồng đạt 234,4% dự toán, bao gồm:

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 3.120 triệu đồng/2.381 triệu đồng, đạt 131,1% dự toán.
- Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 20.791 triệu đồng/11.380 triệu đồng, đạt 182,7% dự toán.
- Thu chuyển nguồn năm 2024 chuyển sang năm 2025: 8.332 triệu đồng.
- Thu kết dư năm 2024 chuyển sang năm 2025: 11 triệu đồng.

(Có Phụ lục số 01 kèm theo)

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH

Tổng chi ngân sách xã Ya Hội thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 là: 19.202 triệu đồng/12.846 triệu đồng, đạt 149.5% so với dự toán.

(Có Phụ lục số 02 kèm theo).

Tình hình thực hiện chi một số lĩnh vực, cụ thể như sau:

1. Chi đầu tư phát triển

Chi đầu tư phát triển: 7.030 triệu đồng. Trong đó:

- Chi đầu tư từ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM: 2.466 triệu đồng.
- Chi đầu tư từ nguồn vốn Chương trình MTQG vùng đồng bào DTTS và miền núi: 4.564 triệu đồng.

2. Chi thường xuyên

2.1. Chi thường xuyên: 8.569 triệu đồng.

3. Chi chương trình mục tiêu quốc gia: 2.925 triệu đồng

4. Chi công tác đảm bảo xã hội: 677 triệu đồng.

5. Chi từ nguồn Dự phòng ngân sách (đã nhập dự toán các chương): 193.098.400 đồng.

III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU, CHI CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

1. Số dư đầu năm: 242 triệu đồng

2. Số thu 6 tháng: 3.741 triệu đồng

3. Số chi 6 tháng: 3.679 triệu đồng

4. Số còn lại: 304 triệu đồng

(Có Phụ lục số 03 kèm theo)

Nhìn chung, trong 6 tháng đầu năm 2025 công tác quản lý, điều hành ngân sách xã đã đảm bảo đúng các quy định của Luật Ngân sách năm 2015 và các quy định hiện hành. UBND các xã trước khi sáp nhập (*xã Ya Hội cũ, xã Phú An cũ*) đã tập trung chỉ đạo công tác thu ngân sách, tiếp tục coi nhiệm vụ thu ngân sách là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, đồng thời bố trí sử dụng kinh phí đúng mục tiêu, kế hoạch mà Hội đồng nhân dân xã đã giao để đảm bảo cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn.

B. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

Sau khi thực hiện việc sáp nhập các xã theo Nghị quyết số: 1664/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai, xã Ya Hội mới đã được hình thành trên cơ sở hợp nhất 02 xã (*xã Ya Hội cũ, xã Phú An cũ*). Việc sáp nhập mang lại thuận lợi trong công tác quản lý, nhưng cũng đặt ra nhiều yêu cầu mới trong tổ chức bộ máy, điều hành ngân sách, cũng như cân đối nguồn lực giữa các địa bàn cũ.

Để đảm bảo cân đối thu, chi ngân sách xã, góp phần hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; trong đó, cần tiếp tục tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ điều hành thu, chi ngân sách như sau:

- Tuy hầu hết các khoản thu trên địa bàn đều đạt tiến độ, nhưng chi tiết một số khoản thu còn thấp, cụ thể như: Thuế thu nhập cá nhân đạt 40,5%, Lệ phí trước bạ nhà đất 40,4%, Thu khác ngân sách và phạt các loại đạt 22,8%. Vậy nên cần bám sát từng chỉ tiêu thu ngân sách đã được Hội đồng nhân dân xã giao, thường xuyên theo dõi chặt chẽ tiến độ thu trên từng địa bàn, kịp thời theo dõi, phân tích, đánh giá, phân loại cụ thể từng sắc thuế, từng ngành, từng lĩnh vực và từng đối tượng để có biện pháp quản lý thu phù hợp hơn....đảm bảo không để

thất thu.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân và hộ kinh doanh thực hiện nghĩa vụ thuế, lệ phí.

- Rà soát, xây dựng phương án xử lý các tài sản công, không để thất thoát, lãng phí; sử dụng hiệu quả các trụ sở dôi dư trên địa bàn xã theo hướng ưu tiên chuyển đổi công năng sang mục đích phục vụ y tế, văn hóa, sinh hoạt cộng đồng.

- Điều hành ngân sách nhà nước năm 2025, tuân thủ dự toán ngân sách đã được HĐND xã quyết định; sử dụng ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định.

Trên đây là Báo cáo tình hình thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2025. Ủy ban nhân dân xã Ya Hội trình Hội đồng nhân dân xã Khóa IV xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND xã (B/c);
- CT, các PCT UBND xã;
- VP. HĐND & UBND xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các vị Đại biểu HĐND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Phòng VH-XH;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Cao Nhật Lam

PHỤ LỤC 01

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /7/2025 của UBND xã Ya Hội)

NỘI DUNG THU	Dự toán NSNN năm 2025			Thực hiện 6 tháng			% so sánh dự toán		
	Xã Ya Hội (mới)	Xã Phú An	Xã Ya Hội(cũ)	Xã Ya Hội (mới)	Xã Phú An	Xã Ya Hội (cũ)	Xã Ya Hội (mới)	Xã Phú An	Xã Ya Hội (cũ)
TỔNG THU	13.761.950.000	7.761.510.000	6.000.440.000	32.254.620.010	15.365.014.326	16.889.605.684	234,4	198,0	281,5
A. THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	2.381.000.000	2.214.000.000	167.000.000	3.120.365.444	2.837.042.693	283.322.751	131,1	128,1	169,7
I.Thu ngân sách tính hưởng theo phân cấp	97.000.000	96.000.000	1.000.000	253.380.000	213.710.792	39.669.208	261,2	222,6	3.966,9
II.Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	818.200.000	754.200.000	64.000.000	630.260.000	571.415.786	58.844.214	77,0	75,8	91,9
III.Thu ngân sách xã hưởng theo phân cấp	1.465.800.000	1.363.800.000	102.000.000	2.236.725.444	2.051.916.115	184.809.329	152,6	150,5	181,2
1. Thuế giá trị gia tăng	180.600.000	166.600.000	14.000.000	214.246.507	141.240.081	73.006.426	118,6	84,8	521,5
2. Thuế thu nhập cá nhân	408.800.000	373.800.000	35.000.000	155.844.144	110.446.583	45.397.561	38,1	29,5	129,7
3. Phí và lệ phí	38.000.000	20.000.000	18.000.000	21.160.000	17.110.000	4.050.000	55,7	85,6	22,5
4. Lệ phí trước bạ nhà đất	86.800.000	79.800.000	7.000.000	35.084.142	31.927.147	3.156.995	40,4	40,0	45,1
5. Thuế môn bài	0	0	0	3.100.000		3.100.000			
6. Thuế nhà đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.200.000	2.400.000	800.000	5.155.647	5.155.647	0	161,1	214,8	0,0
7. Thu khác ngân sách và phạt các loại	50.000.000	30.000.000	20.000.000	11.401.275	10.629.355	771.920	22,8	35,4	3,9
8. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0	0	116.940	116.940				
9.Tiền sử dụng đất	698.400.000	691.200.000	7.200.000	1.790.516.365	1.735.290.362	55.226.003	256,4	251,1	767,0
10. Thu khác về thuế	0			100.424		100.424			
IV.THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	11.380.950.000	5.547.510.000	5.833.440.000	20.790.915.000	5.953.198.000	14.837.717.000	182,7	107,3	254,4
1. Thu bổ sung cân đối ngân sách	9.731.730.000	4.435.810.000	5.295.920.000	5.836.000.000	2.660.000.000	3.176.000.000	60,0	60,0	60,0
2. Thu bổ sung có mục tiêu	1.467.220.000	959.700.000	507.520.000	13.322.915.000	2.511.198.000	10.811.717.000	908,0	261,7	2.130,3
3. Thu bổ sung có mục tiêu(vốn sự nghiệp)	182.000.000	152.000.000	30.000.000	182.000.000	152.000.000	30.000.000	100,0	100,0	100,0
4. Thu bổ sung mục tiêu thực hiện chính sách tiền lương	0			1.450.000.000	630.000.000	820.000.000			
V.THU CHUYỂN NGUỒN NĂM 2024 CHUYỂN SANG NĂM 2025	0	0	0	8.332.079.259	6.563.513.326	1.768.565.933			
VI. THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH NĂM 2024 SANG NĂM 2025	0	0	0	11.260.307	11.260.307	0			

PHỤ LỤC 02

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /7/2025 của UBND xã Ya Hội)

ĐVT: Đồng

NỘI DUNG CHI	Dự toán năm 2025			Thực hiện 6 tháng			% so sánh dự toán		
	Xã Ya Hội (mới)	Xã Phú An	Xã Ya Hội (cũ)	Xã Ya Hội (mới)	Xã Phú An	Xã Ya Hội (cũ)	Xã Ya Hội (mới)	Xã Phú An	Xã Ya Hội (cũ)
TỔNG CHI	12.846.750.000	6.911.310.000	5.935.440.000	19.202.816.590	8.170.552.106	11.032.264.484	149,5	118,2	185,9
I. CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (NS TW)	698.400.000	691.200.000	7.200.000	7.030.795.901	1.127.000.000	5.903.795.901	1.006,7	163,0	81.997,2
1.1. Chương trình MTQG xây dựng NTM	698.400.000	691.200.000	7.200.000	2.466.746.058	1.127.000.000	1.339.746.058	353,2	163,0	18.607,6
- Giao thông				2.466.746.058	1.127.000.000	1.339.746.058			
1.2. Chương trình MTQG vùng đồng bào DTTS và miền núi				4.564.049.843		4.564.049.843			
- Nhà văn hóa thôn, làng				1.570.943.876		1.570.943.876			
- Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo				396.000.000		396.000.000			
- Giao thông				2.597.105.967		2.597.105.967			
II. CHI THƯỜNG XUYỀN	11.764.003.000	6.084.210.000	5.679.793.000	8.569.136.891	3.908.308.098	4.660.828.793	72,8	64,2	82,1
2.1. Chi quân sự xã	664.119.776	371.165.776	292.954.000	624.276.898	322.094.488	302.182.410	94,0	86,8	103,2
2.2. Chi công an xã	498.722.840	290.747.840	207.975.000	304.112.130	158.037.130	146.075.000	61,0	54,4	70,2
2.3. Chi giáo dục (TTHTCĐ xã)	55.000.000	26.000.000	29.000.000	28.038.000	13.276.000	14.762.000	51,0	51,1	50,9
2.4. Chi y tế thôn bản xã	83.730.000	41.610.000	42.120.000	53.820.000	21.060.000	32.760.000	64,3	50,6	77,8
2.5. Chi VH TT xã	60.000.000	30.000.000	30.000.000	79.455.000	30.000.000	49.455.000	132,4	100,0	164,9
2.6. Chi TDTT xã	98.000.000	47.000.000	51.000.000	9.620.000	4.940.000	4.680.000	9,8	10,5	9,2
2.7. Chi Ủy ban nhân dân xã	4.238.721.989	2.043.182.989	2.195.539.000	2.924.649.025	1.333.962.993	1.590.686.032	69,0	65,3	72,5
2.8. Chi Hội đồng nhân dân xã	693.605.800	335.080.800	358.525.000	429.456.247	210.843.580	218.612.667	61,9	62,9	61,0
2.9. Chi Đảng uỷ xã	1.780.268.730	880.296.730	899.972.000	1.127.988.233	565.872.118	562.116.115	63,4	64,3	62,5
2.10. Chi Đoàn thanh niên xã	527.658.530	267.940.530	259.718.000	344.164.219	155.131.658	189.032.561	65,2	57,9	72,8
2.11. Chi Hội phụ nữ xã	535.380.530	275.662.530	259.718.000	352.633.579	165.310.658	187.322.921	65,9	60,0	72,1
2.12. Chi Hội nông dân xã	534.143.585	263.133.585	271.010.000	344.691.502	157.368.581	187.322.921	64,5	59,8	69,1
2.13. Chi hội cựu chiến binh xã	540.187.475	280.469.475	259.718.000	341.915.461	168.338.735	173.576.726	63,3	60,0	66,8

2.14. Chi UBMTTQVN xã	774.441.745	405.977.745	368.464.000	444.089.697	221.392.057	222.697.640	57,3	54,5	60,4
2.15. Chi Hội chữ thập đỏ xã	98.822.000	49.332.000	49.490.000	58.027.300	31.584.000	26.443.300	58,7	64,0	53,4
2.16. Chi Hội người cao tuổi xã	96.200.000	58.610.000	37.590.000	53.140.000	24.970.000	28.170.000	55,2	42,6	74,9
2.17 Chi bảo vệ môi trường	78.000.000	41.000.000	37.000.000	44.133.500	19.200.000	24.933.500	56,6	46,8	67,4
2.18. Chi vốn sự nghiệp các CT MTQG	182.000.000	152.000.000	30.000.000	109.926.100	79.926.100	30.000.000	60,4	52,6	100,0
-Vốn sự nghiệp các CT MTQG xây dựng NTM	182.000.000	152.000.000	30.000.000	109.926.100	79.926.100	30.000.000	60,4	52,6	100,0
2.19 Chi các hoạt động kinh tế	225.000.000	225.000.000		895.000.000	225.000.000	670.000.000	397,8	100,0	
- Giao thông	225.000.000	225.000.000		470.000.000	225.000.000	245.000.000	208,9	100,0	
- Thủy lợi				425.000.000		425.000.000			
III. CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG XD NTM (TIỀN SỬ DUNG ĐẤT)				2.925.244.008	2.925.244.008				
- Giao thông				1.917.023.424	1.917.023.424				
- Thủy lợi				1.008.220.584	1.008.220.584				
IV. CHI CÔNG TÁC ĐẢM BẢO XÃ HỘI	67.000.000	20.000.000	47.000.000	677.639.790	210.000.000	467.639.790	1.011,4	1.050,0	995,0
V. DỰ PHÒNG(xuất 193.098.400 đã nhập dự toán các chương)	223.800.000	115.900.000	107.900.000	193.098.400	95.690.400	97.408.000	86,3	82,6	90,3
VI.CHI CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	93.547.000		93.547.000						

PHỤ LỤC 03

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU, CHI CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH NĂM 2025

DVT: đồng

TT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số thu 6 tháng	Số chi 6 tháng	Số dư còn lại đến ngày 30/6/2025	Ghi chú
	TỔNG SỐ					
1	Quỹ vì Người nghèo	44.829.553	9.460.000	5.545.000	48.744.553	
2	Quỹ chăm sóc Người cao tuổi	36.859.000	5.800.000	7.000.000	35.659.000	
3	Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	64.887.042	50.320.000	2.200.000	113.007.042	
4	Quỹ An ninh- Quốc phòng	2.640.000			2.640.000	
5	Quỹ phòng chống thiên tai	992.085			992.085	
6	Quỹ tiền điện các năm trước	2.800.000			2.800.000	
7	Tiền rừng thu các năm trước	10.385.143			10.385.143	
8	Lệ phí thẩm định hồ sơ	130.000			130.000	
9	Tiền gửi khác	53.236.000		51.000.000	2.236.000	
10	Tiền thực hiện chương trình xóa nhà tạm nhà dột nát		3.594.000.000	3.594.000.000	0	
11	Tiền bảo hành công trình xây dựng		45.600.390		45.600.390	
12	Lãi tiền gửi	2.438.454	1.845.616		4.284.070	
13	Phí, lệ phí chờ nộp ngân sách (Phí chứng thực)	-	4.325.000	4.325.000	0	
14	Dịch vụ môi trườn rừng	23.654.000	29.668.896	15.290.000	38.032.896	
	TỔNG CỘNG	242.851.277	3.741.019.902	3.679.360.000	304.511.179	